

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 357/2022/DS-PT

Ngày 06-12-2022

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Tuyền.

Các Thẩm phán: Ông Trần Trọng Nhân.

Bà Đinh Thị Ngọc Yến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Khổng Văn Đa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Phạm Khánh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 378/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2022/DS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 402/2022/QĐ-PT ngày 03 tháng 11 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số 150/3A, đường H, phường T1, thành phố T2, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thành S, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số 115/12, đường H, phường T1, thành phố T2, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Võ Quang T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số 433, Quốc lộ 1, Phường 4, thành phố T2, tỉnh Long An.

- *Người làm chứng:*

1. NLC1.

2. NLC2.

3. NLC3.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Thành S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 12 năm 2020 của nguyên đơn và cùng những lời trình bày như sau:

Ông và ông S là bạn bè với nhau nên khi ông S cần vay vốn có nhờ ông đứng ra hỏi vay tiền của NLC1 dùm ông S nhiều lần. Khi vay, ông đứng tên trực tiếp vay và ký nhận nợ với NLC1. Ông giao lại tiền cho ông S và ông S viết biên nhận nợ với ông. Cụ thể như sau:

Ngày 20/3/2020, ông vay dùm ông S số tiền 250.000.000đ, ông S đã viết biên nhận cho ông cùng ngày, thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng. Thời gian trả 30 ngày. Biên nhận này do ông viết, ông S ký tên.

Ngày 30/6/2020, ông vay dùm ông S số tiền 101.500.000đ, ông S đã viết biên nhận cho ông cùng ngày, thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng. Thời gian trả 30 ngày. Biên nhận này do NLC3 viết, ông S ký tên.

Ngày 28/7/2020, ông vay dùm ông S số tiền 80.000.000đ. Đến ngày 30/7/2020, ông S mới viết biên nhận cho ông, thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng. Thời gian trả 30 ngày. Biên nhận này do NLC3 viết, ông S ký tên.

Ngày 30/7/2020, ông vay dùm ông S số tiền 101.500.000đ, ông S đã viết biên nhận cho ông cùng ngày, thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng. Thời gian trả 30 ngày. Biên nhận này do NLC3 viết, ông S ký tên.

Cùng ngày 30/7/2020, ông vay dùm ông S số tiền 50.000.000đ, ông S đã viết biên nhận cho ông cùng ngày, thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng. Thời gian trả 30 ngày. Biên nhận này do NLC3 viết, ông S ký tên.

Ngày 10/8/2020, ông vay dùm ông S số tiền 40.000.000đ, ông S đã viết biên nhận cho ông cùng ngày, thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng. Thời gian trả 30 ngày. Biên nhận này do NLC3 viết, ông S ký tên. Vì không nhớ rõ tháng nên có ghi nhầm từ tháng 8 thành tháng 7. Sau đó NLC3 tự sửa lại cho đúng mốc thời gian.

Hiện nay, ông yêu cầu ông S hoàn trả số tiền 623.000.000đ tiền vốn và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ khi hết hạn trong hợp đồng cho đến nay.

- *Bị đơn ông Nguyễn Thành S trình bày:* Năm 2020, ông có nhờ ông M giới thiệu vay tiền của một người tên L (không biết rõ họ tên địa chỉ) nhiều lần. Khi vay lần đầu tiên của ông L, ông có viết biên nhận cho ông L với số tiền là 20.000.000đ. Sau đó, ông đã trả số tiền này và hủy biên nhận. Sau đó, ông nhiều lần vay tiền của ông L nhưng chỉ thế họ khẩu hoặc chứng M nhân dân mà không có làm biên nhận nữa. Lần cuối ông vay của ông L số tiền 16.000.000đ, cũng không có viết biên nhận. Đến nay, ông đã thanh toán hoàn trả 16.000.000đ cho ông Long.

Trong quá trình vay tiền của ông L. Ông có thanh toán lãi và vốn không đúng hạn nên ông có nhờ ông M đóng lãi dùm ông nhiều lần. Ông M nói là vay chỗ

khác để đóng lãi cho ông. Ông M có kêu ông ra viết biên nhận về việc nợ số tiền lãi mà ông M đã trả cho ông. Ông nhớ là ông có ký cho ông M 03 tờ giấy trắng chưa viết nội dung. Như vậy, nội dung ông S tự ghi trong biên nhận là không có thật. Ông xác định, ông không có vay ông M số tiền như ông M trình bày nên ông không đồng ý trả các khoản nợ như ông M yêu cầu.

Ngoài ra, ông M còn giới thiệu cho ông cầm xe cho NLC1 để vay số tiền 20.000.000đ. Ông không có tiền đóng lãi nên có nhờ ông M đóng lãi dùm. Đến ngày 30/9/2020, ông M nói là không đóng lãi nổi nên có nhờ ông ra ký hợp đồng lãnh nợ với chủ nợ. Ông có ra ký 02 hợp đồng vay tiền với NLC1 và bà Nguyễn Thị Anh T3 với tổng số nợ là 310.000.000đ, trong khi ông chỉ có vay số tiền là 20.000.000đ, mà tiền lãi, tiền lời thành 310.000.000đ.

Số tiền 310.000.000đ, mẹ ông là NLC2 đã đứng ra thanh toán hết cho NLC1 và bà Nguyễn Thị Anh T3. Lúc đó, ông không có nhà, ông S nói ông còn thiếu M 40.000.000đ tiền lãi nhưng sau khi thương lượng ông M đồng ý nhận nợ tiền lãi là 30.000.000đ nên mẹ ông cũng đứng ra trả tiền lãi cho ông M.

Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông và NLC1 hai bên đã thỏa thuận hủy bỏ, không có tranh chấp trong vụ án này.

Ông Nguyễn Thành S xác định tại thời điểm thanh toán nợ cho NLC1, bà Nguyễn Thị Anh T3 thì ông Nguyễn Hoàng M đã đồng ý nhận số tiền 30.000.000đ nên nay ông không đồng ý thanh toán nữa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Quang T trình bày:* Ngày 21/12/2020, ông có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Nguyễn Thành S. Tuy nhiên, trong quá trình đăng ký biến động đất đai có tranh chấp nên Tòa án thành phố Tân An có văn bản tạm dừng sang tên. Đến ngày 15/01/2021, ông và ông Nguyễn Thành S có ra Văn phòng công chứng để hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên. Ông và ông S không tranh chấp về quyền lợi.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Hoàng M bổ sung thêm yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Nguyễn Thành S hoàn trả 10.000.000đ tiền lãi còn nợ trong hợp đồng vay tiền giữa ông Nguyễn Hoàng M và NLC1, bà Nguyễn Thị Anh T3.

Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2022/DS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An đã căn cứ các Điều 26, 35, 39, 136, 147, 161, 228, 229, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng M, buộc ông Nguyễn Thành S có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Hoàng M số tiền vốn 623.000.000đ và tiền lãi là 128.353.000đ, tổng cộng 751.353.000đ (bảy trăm năm mươi một triệu, ba trăm năm mươi ba nghìn đồng).

Hủy bỏ Quyết định Buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 08/2020/QĐ-BPBD ngày 31/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, ông Nguyễn Hoàng M được nhận lại tài sản bảo đảm là 20.000.000đ và tiền lãi phát sinh của tài khoản 68010002014961 tại Ngân hàng BIDV Chi nhánh Long An.

Về án phí, chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Thành S phải nộp án phí sơ thẩm là 34.054.000đ (ba mươi bốn triệu không trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

Hoàn cho ông Nguyễn Hoàng M số tiền 14.460.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005082 ngày 30/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Ông Nguyễn Thành S phải nộp chi phí giám định là 5.100.000đ, đã nộp xong.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền và nghĩa vụ của các đương sự ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, bị đơn ông S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Nguyên đơn trình bày: Do ông và ông S là bạn bè, do ông S đứng ra trực tiếp vay bên cho vay không tín nhiệm nên ông phải ký tên vay tiền dùm cho ông S, ông ký nhận nợ và số nợ trên ông chịu trách nhiệm với bên cho vay, hiện nay bên cho vay đã lấy nhà của ông để trừ nợ. Việc ông S trình bày lúc đầu vay 16.000.000đ là số nợ nào khác không liên quan đến số tiền ông khởi kiện. Khi ký nhận nợ ông S đều đọc rõ các biên nhận nợ và ký tên nên việc ông S cho rằng ký giấy trắng và không còn nợ là không đúng. Do giữa hai bên là bạn thân tin tưởng nhau, ông S cứ nhờ mượn nhiều lần vì hứa mượn lần sau sẽ trả nên ông mới vay dùm cho ông S nhiều lần.

Bị đơn trình bày: Không đồng ý trả nợ cho ông M vì ông không có vay tiền của ông M, ông M có đưa cho ông ký 03 tờ giấy trắng không có nội dung, còn 03 biên nhận nợ còn lại ông không có ký. Do thời gian đã lâu nên ông không xác định được biên nhận nợ nào là ký giấy trắng và biên nhận nợ nào ông không ký nhận. Ông chỉ có vay tiền của ông L 16.000.000đ nhưng đã trả; ngoài ra ông có cầm xe cho NLC1 nhận 20.000.000đ và có nhờ ông M trả dùm tiền lãi, sau đó ông M không có khả năng trả nên ông có ký nhận nợ với NLC1 và bà T3 310.000.000đ bao gồm tiền gốc 20.000.000đ còn lại là tiền lãi. Vì vậy, không đồng ý trả tiền cho ông M như án sơ thẩm đã tuyên.

Các đương sự không có thỏa thuận gì khác.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn kháng cáo

đúng quy định tại các Điều 273, Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo: Ông S kháng cáo cho rằng không có mượn ông M số tiền 623.000.000đ. Tháng 01 năm 2020 ông chỉ mượn 16.000.000đ của ông L nhưng đã trả, sau đó ông M đưa cho ông ký vào 03 tờ biên nhận nợ không có nội dung, còn 03 tờ biên nhận nợ còn lại ông không có ký tên, ông S xác định không nợ tiền ông M. Ông M không đồng ý lời trình bày của ông S, vẫn giữ yêu cầu khởi kiện.

Ông S không thừa nhận có mượn tiền và còn nợ với ông M 623.000.000đ nhưng ông S thừa nhận có mượn tiền ông L và cầm xe cho NLC1 và bà T3, sau đó có nhờ ông M trả tiền và có ký nhận nợ 310.000.000đ với NLC1 và bà T3. Qua kết quả giám định kết luận 06 biên nhận nợ đều do ông S ký nhận; NLC3 có lời trình bày khi bà viết biên nhận có mặt ông S và đã xem khi ký tên. Vì vậy, án sơ thẩm buộc ông S trả cho ông M tiền vay 623.000.000đ và tiền lãi theo quy định pháp luật là có căn cứ. Ông S kháng cáo không cung cấp chứng cứ nào khác nên không có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông S. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 36/2022/DS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn ông S kháng cáo hợp lệ nên vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Kháng cáo của ông S về toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến kháng cáo.

[3] Xét kháng cáo thấy rằng:

[3.1] Ông M yêu cầu ông S trả số tiền vay của 06 lần như sau: Ngày 20/3/2020 mượn 250.000.000 đồng; Ngày 30/6/2020 mượn 101.500.000 đồng; Ngày 28/7/2020 mượn 80.000.000 đồng; Ngày 30/7/2020 mượn 101.500.000 đồng; Ngày 30/7/2020 mượn 50.000.000 đồng; Ngày 10/8/2020 mượn 40.000.000 đồng. Tổng số tiền của 06 giấy mượn tiền là 623.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ khi hết hạn trong hợp đồng cho đến nay.

[3.2] Ông S không thừa nhận có vay tiền của ông M nhưng ông S thừa nhận có vay tiền của người khác như ông L và bà T3. Khi ông S không có tiền trả lãi thì có nhờ ông M đứng ra trả thay cho ông S. Đồng thời, ông S cũng thừa nhận có ký cho ông M 03 tờ giấy. Ngoài ra các biên nhận khác không thừa nhận. Ông S cho rằng khi ký 03 tờ giấy cho ông M là ký giấy trắng. Ông M không thừa nhận việc này; NLC3 cũng xác định tại các thời điểm bà viết 05 biên nhận thì ông M là

người đọc cho NLC3 viết, có mặt ông S. Sau khi viết xong, ông M và ông S cùng ký tên vào biên nhận.

[3.3] Tại Kết luận giám định số 978/2021/KLGD ngày 07/12/2021, của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Long An đã kết luận chữ ký và chữ viết Nguyễn Thành S bằng bút bic màu xanh, ở mục “người nhận tiền” của 06 biên nhận và chữ ký, chữ viết trong “Bản tự khai nội dung vụ việc”, “Biên bản về việc lấy mẫu chữ ký” là do cùng một người ký và viết ra. Như vậy, tuy ông S trình bày không có vay của ông M nhưng 06 Giấy nhận tiền với tổng số tiền là 623.000.000đ đều do ông S ký tên và viết họ tên. Nên án sơ thẩm buộc ông S trả cho ông M số tiền vay 623.000.000đ là có căn cứ.

[3.4] Nội dung của 06 biên nhận nợ thể hiện vay không có lãi và hạn thanh toán là 01 tháng. Do ông S không thanh toán đúng hạn nên vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Ông M khởi kiện yêu cầu ông S thanh toán tiền lãi từ khi hết hạn hợp đồng cho đến nay theo quy định pháp luật là có căn cứ chấp nhận. Nên án sơ thẩm buộc ông S trả cho M số tiền lãi là đúng quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[4] Từ nhận định mục [3], kháng cáo của ông S không có căn cứ chấp nhận. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 36/2022/DS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An. LỜI đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An có căn cứ được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông S phải chịu 300.000đ theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thành S.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2022/DS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 136, 147, 161, 228, 229, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng M.

Buộc ông Nguyễn Thành S có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Hoàng M số tiền vốn 623.000.000đ và tiền lãi là 128.353.000đ, tổng cộng 751.353.000đ (bảy trăm năm mươi một triệu, ba trăm năm mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 08/2020/QĐ-BPBD ngày 31/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, ông Nguyễn Hoàng M được nhận lại tài sản bảo đảm là 20.000.000đ và tiền lãi phát sinh của tài khoản 68010002014961 tại Ngân hàng BIDV Chi nhánh Long An.

3. Về án phí, chi phí tố tụng:

Ông Nguyễn Thành S phải chịu án phí sơ thẩm là 34.054.000đ (ba mươi bốn triệu không trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

Ông Nguyễn Hoàng M không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông Nguyễn Hoàng M 14.460.000đ (mười bốn triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005082 ngày 30/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Ông Nguyễn Thành S phải chịu chi phí giám định là 5.100.000đ (đã nộp xong).

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thành S phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Thành S đã nộp theo biên lai thu số 0001766 ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND TP.Tân An;
- Chi cục THADS TP.Tân An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bích Tuyền